TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30.8.2018

V/v: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Kim Thành**

Ông **Nguyễn Văn Đời**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Võ Ngọc Tín** - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà **Lưu Thu Hà**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Thanh L –** Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số 31 đường P, tổ 37 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị L1** – Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số 110 đường T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 24/4/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị L1 kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại số 31 đường P, tổ 37 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng ông sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của cả hai không hợp nhau, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, vợ chồng thường xuyên cải vả, gây căng thẳng mệt mỏi cho cả hai. Mâu thuẫn của ông bà đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Bà L1 đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống từ năm 2016, vợ chồng ông đã ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của ông đối với bà L1 không còn, do đó ông xin được ly hôn với bà Lê Thị L1.

- Về quan hệ con chung: Ông Huỳnh Thanh L xác định ông và bà Lê Thị L1 có 01 con chung là: Huỳnh Lê Văn L2, sinh ngày: 22/01/2010. Nếu ly hôn, ông L có nguyện vọng giao con cho bà Lê Thị L1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng).*

- Về quan hệ tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Thanh L xác định không có. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông xác định về phần tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Huỳnh Thanh L xác định không có.

***** Đối với bị đơn – bà Lê Thị L1 mặc dù đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà Lê Thị L1 đều vắng mặt nên không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Toà án không có cơ sở để xem xét yêu cầu và nguyện vọng của bà Lê Thị L1.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Huỳnh Thanh L nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị L1 là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà L1 vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Ông Huỳnh Thanh L và bà Lê Thị L1 đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyển số 01 cấp ngày 07/12/2009. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại số 31 P, tổ 37 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của cả hai không hợp nhau, giữa vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, gây căng thẳng mệt mỏi cho cả hai. Mâu thuẫn của ông bà đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Bà L1 đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống từ năm 2016, vợ chồng ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm chăm

sóc nhau trong cuộc sống. Tại phiên tòa hôm nay, ông Lành xác định không còn yêu thương bà L1 nữa, ông xin được ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Thanh L đối với bà Lê Thị L1 thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Lành và bà L1 lại không làm được điều này. Qua xác minh tại địa phương thì được biết hiện nay bà L1 không còn sinh sống tại địa phương. Riêng đối với bà Lê Thị L1, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng bà Lê Thị L1 đều vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Việc này cho thấy bà Lê Thị L1 không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông L và bà L1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà L1 là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Huỳnh Thanh L xác định ông và bà Lê Thị L1 có 01 con chung là: Huỳnh Lê Văn L2, sinh ngày: 22/01/2010. Nếu ly hôn, ông L có nguyện vọng giao con cho bà Lê Thị L1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Lành tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 08/2018.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con của ông Huỳnh Thanh L thì thấy: Hiện tại cháu Huỳnh Lê Văn L2 đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ. Ngoài ra, sau khi ông L và bà L1 ly thân thì cháu sống chung với mẹ, môi trường sinh sống và học tập đã ổn định nên cần giao cháu cho bà L1 được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc để cháu phát triển đầy đủ và toàn diện là phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Lê Văn L2 nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu của ông L.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ, trách nhiệm của bên không trực tiếp nuôi con sau ly hôn, tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con còn phải căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết

yếu của con chung. Tại phiên tòa hôm nay, ông L cho rằng mức thu nhập của ông hiện tại đủ khả năng để cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*. Vì vậy, với đề nghị của ông L về mức cấp dưỡng nuôi con như trên là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay, ông L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông L xác định không có. Còn bà L1 do vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: ông Huỳnh Thanh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí cấp dưỡng nuôi con: ông Huỳnh Thanh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 110,116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của ông Huỳnh Thanh L đối với bà Lê Thị L1.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Huỳnh Thanh L được ly hôn với bà Lê Thị L1.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Thanh L đối với bà Lê Thị L1 nên giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyển số 01 do UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/12/2009 cho ông Huỳnh Thanh L và bà Lê Thị L1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Huỳnh Lê Văn L2, sinh ngày: 22/01/2010 cho bà Nguyễn Thị Lành được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Huỳnh Thanh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 08/2018

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Huỳnh Thanh L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông L đã nộp tại biên lai thu số 8701 ngày 09/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Huỳnh Thanh L phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận S;*
- *Chi cục THADS quận S;*
- *UBND phường T, Q. S,Tp. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ TRÂM